

**CÔNG TY TNHH MTV HOÀNG GIA TIỀN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV HOÀNG GIA TIỀN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MTV HOANG GIA TIEN COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HOANG GIA TIEN CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703239213

**3. Ngày thành lập:** 15/08/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 47/26, đường Bùi Quốc Khánh 2, Tổ 48, Khu phố 6, Phường Chánh Nghĩa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0948472739

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                              | 8211        |
| 2.  | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                           | 8219        |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                                                                       | 8220        |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                            | 8299        |
| 5.  | Hoạt động của trụ sở văn phòng                                                                                                                                                                                     | 7010        |
| 6.  | Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật, kiểm toán, dịch vụ pháp lý)                                                                                                                    | 7020(Chính) |
| 7.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                          | 8230        |
| 8.  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                            | 7490        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                              | 4322        |
| 10. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                     | 4329        |
| 11. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                     | 4330        |
| 12. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                | 4390        |
| 13. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                             | 4311        |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: San lấp mặt bằng                                                                                                                                                                    | 4312        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: Quản lý, vận hành duy tu hệ thống điện công cộng, thi công các công trình dưới 35KV, xây lắp hệ thống chiếu sáng, báo cháy, báo động chống trộm, chống sét, tín hiệu giao thông | 4321        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Thu gom rác thải không độc hại<br>Chi tiết: Thu gom rác thải, phế liệu, phế thải công nghiệp độc hại khác (không chứa, phân loại, xử lý, tái chế phế liệu tại địa điểm trụ sở chính)                                                                                                                                                                                                                                | 3811 |
| 17. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4101 |
| 18. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4102 |
| 19. | Xây dựng công trình đường sắt<br>Chi tiết: Thi công, duy tu bảo dưỡng công trình giao thông cầu đường (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4211 |
| 20. | Xây dựng công trình đường bộ<br>Chi tiết: Thi công, duy tu bảo dưỡng công trình giao thông cầu đường (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4212 |
| 21. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ hoạt động bên thủy nội địa)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4663 |
| 22. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                             | 4759 |
| 23. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; Vận tải hàng hóa thông thường bằng ô tô các loại khác (trừ ô tô chuyên dụng); Vận tải hàng hóa thông thường bằng xe lam, xe lô, xe công nông; Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ; Vận tải hàng hóa thông thường bằng phương tiện đường bộ khác.                                                                                    | 4933 |
| 24. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng; Thiết kế qui hoạch chi tiết; Tư vấn đầu thầu; Thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế công trình điện trung hạ thế và biến áp 25KV trở xuống; Thiết kế hệ thống điện chiếu sáng các công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp | 7110 |
| 25. | Quảng cáo<br>Chi tiết: Thiết kế, lắp đặt pano quảng cáo, tư vấn, dịch vụ sáng tạo cho quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7310 |
| 26. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7410 |
| 27. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8110 |
| 28. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8129 |
| 29. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8121 |
| 30. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan<br>Chi tiết: Thi công, quản lý, chăm sóc cây xanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8130 |
| 31. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4632 |
| 32. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4649 |
| 33. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4651 |
| 34. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4653 |

|     |                                                                                                                                                           |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 35. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                           | 4659 |
| 36. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                         | 4669 |
| 37. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                         | 4690 |
| 38. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                                                                         | 6820 |
| 39. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị, các tiện ích sẵn có của văn phòng | 7730 |

**6. Vốn điều lệ:** 200.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN GIA LUẬN Giới tính: Nam

Sinh ngày: 19/06/1989 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 074089006889

Ngày cấp: 12/11/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khánh Lợi, Phường Tân Phước Khánh, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 47/26, đường Bùi Quốc Khánh 2, Tổ 48, Khu phố 6, Phường Chánh Nghĩa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN GIA LUẬN Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/06/1989 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 074089006889

Ngày cấp: 12/11/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội cấp

Địa chỉ thường trú: Khánh Lợi, Phường Tân Phước Khánh, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 47/26, đường Bùi Quốc Khánh 2, Tổ 48, Khu phố 6, Phường Chánh Nghĩa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương